

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Bảo

2. Ông Trần Bá Đường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lừ Thị C, sinh năm 1979

Địa chỉ: Bản N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Cừ A D, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Bản N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Người phiên dịch: Ông Tráng Trênh M - Cán bộ phòng thanh tra huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 18/6/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lừ Thị C trình bày:

Chị và anh Cừ A D tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1998 và làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 22/8/2018 tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D đi làm về nhà thay đổi tình cảm và chị phát hiện ra anh D có quan hệ tình cảm với người khác. Chị đã khuyên bảo anh D nhưng anh không nghe và vợ chồng xảy ra đánh cãi chửi nhau. Không khuyên giải được anh D, chị đã báo chính quyền thôn đến hoà giải nhưng anh D vẫn không chấm dứt quan hệ tình cảm với người khác. Chính vì vậy từ tháng

02/2020 đến nay chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng đã sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân anh D đón người phụ nữ khác về ở cùng nhà. Đến nay nhận thấy không tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh D.

Đối với bị đơn anh Cư A D, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay anh trình bày: Đúng là anh và chị Lừ Thị C tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1998 và làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 22/8/2018 tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Anh D thừa nhận cuộc sống chung có mâu thuẫn trong khoảng thời gian anh đi làm ăn tại Điện Biên và có quan hệ tình cảm với người khác. Anh đã xin vợ tha thứ nhưng chị C và anh em bên ngoại không đồng ý bắt anh phải bàn giao tài sản, khi anh thay đổi quay trở về nhà thì chị C không chấp nhận anh nữa. Ngày 15/3/2020 anh em bên vợ ra đánh đập anh bắt anh ký giấy bỏ vợ nhưng anh không đồng ý, sau đó các anh em dọn đồ đạc đón chị C về bên ngoại ở và từ đó đến nay anh chị sống ly thân nhau. Anh thừa nhận hiện nay anh có chung sống cùng người phụ nữ khác nhưng anh không nhất trí ly hôn, anh đề nghị chị C bỏ qua cho anh để vợ chồng quay về đoàn tụ.

Về con chung: Chị Lừ Thị C và anh Cư A D đều công nhận trong thời gian chung sống anh chị có bốn con chung là Cư Thị X sinh ngày 14/9/1999, Cư Văn T sinh ngày 07/8/2000, Cư Thị G sinh ngày 10/4/2002 và Cư Văn N sinh ngày 04/10/2017. Đối với Cư Thị X, Cư Văn T, Cư Thị G đều đã trưởng thành trên 18 tuổi phát triển bình thường. Đối với cháu Cư Văn N chị C đề nghị Toà án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi cháu, tại phiên hoà giải chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tại phiên toà chị đề nghị anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 800.000đ/tháng. Anh D không nhất trí ly hôn nên không đồng ý với yêu cầu của chị C.

Về tài sản chung: Chị C và anh D đều trình bày trong thời gian chung sống anh chị có một số tài sản chung và đều không yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản.

Về công nợ chung: Chị C và anh D đều công nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, tại phiên toà hôm nay các đương sự giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử cho chị Lừ Thị C ly hôn với anh Cư A D. Về con chung, xử giao cháu Cư Văn N sinh ngày 04/10/2017 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng và

anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 800.000đ/tháng. Chị C, anh D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Lừ Thị C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Cư A D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lừ Thị C và anh Cư A D tự nguyện về sống chung với nhau và làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 22/8/2018 tại UBND xã X, huyện B, vì vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay chị C cho rằng cuộc sống chung có mâu thuẫn từ năm 2012 do anh D đi làm ăn kinh tế tại Điện Biên có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị khuyên bảo anh nhưng anh không nghe và không thay đổi. Quá trình giải quyết vụ án chị C đã xuất trình được chứng cứ chứng minh anh D có quan hệ tình cảm với người khác là đúng sự thật. Bản thân anh D cũng thừa nhận mình có quan hệ tình cảm với người khác và hiện nay anh vẫn đang chung sống cùng người khác. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng do anh D đã không chung thủy, vi phạm pháp luật, vi phạm nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng nhau giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, xử cho chị C ly hôn với anh D.

[3]. Về con chung: Chị C và anh D đều công nhận trong thời gian chung sống anh chị có bốn con chung trong đó có 03 người đã trưởng thành trên 18 tuổi, hiện còn cháu Cư Văn N sinh ngày 04/10/2017 đang sống cùng chị C. Xét thấy chị C và anh D đều có đủ khả năng và điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên do hiện nay cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu để đảm bảo cho cháu được chăm sóc tốt nhất. Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị C là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc anh D phải cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng là 800.000đ cho đến khi cháu trưởng thành.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị C và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn, anh D phải chịu tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho chị Lừ Thị C ly hôn anh Cừ A D.

2/ Về con chung: Xử giao cháu Cừ Văn N sinh ngày 04/10/2017 cho chị Lừ Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Cừ A D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 800.000đ/tháng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Cừ A D có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lừ Thị C có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh Cừ A D không thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự .

3/Về án phí: Chị Lừ Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0001825 ngày 18/6/2020, chị đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Cừ A D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng định kỳ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên;
- UBND xã X;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Giang Thanh